

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 42/2019/DS-PT

Ngày 25/6/2019

“V/v đòi QSD đất”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam.

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Mai Anh Tuấn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp QSD đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2019/QĐXX-PT ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H (tên gọi khác Lâm Thị H), sinh năm 1954; Địa chỉ: Số nhà N04, B27, tổ 18, khu tái định cư, phường G, quận L, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1979; Cư trú tại: Xóm 12 xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2019).

2. Bị đơn: Ông Lê Hồng T (Lê Văn T), sinh năm 1931; Địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định;

- NLQ2, sinh năm 1930. Địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;
 - NLQ3, sinh năm 1956 và NLQ4, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;
 - NLQ6, sinh năm 1979 và NLQ7, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;
 - NLQ8, sinh năm 1978 và NLQ9, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
 - NLQ10. Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định;
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C - Chủ tịch NLQ10;

Tại phiên tòa anh Phạm Văn L, ông Lê Hồng T, NLQ1, NLQ3 có mặt. Vợ chồng NLQ6, vợ chồng NLQ8 vắng mặt không có lý do. Đại diện NLQ10 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2016, các bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bố đẻ bà H là ông Lâm Văn Phụng, chết năm 1969, mẹ đẻ bà H là bà Trần Thị Phái, chết năm 1995. Bố mẹ bà H sinh được 02 người con là bà H và NLQ1. Bố mẹ bà H có một nhà xây trên thổ đất diện tích là 1.150 m² tại xóm 10, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, nguồn gốc thổ đất là của cụ Lâm Văn Long (ông nội bà H) chết để lại cho bố bà. Khi ông Phụng chết, vì hoàn cảnh gia đình lúc đó khó khăn nên mẹ bà H đã đi ở với bà H. Sau khi ông Phụng chết thổ đất trên không có người ở và trông coi nên năm 1971 ông Lê Hồng T là cháu gọi ông Phụng bằng bác đã đến xin phép mẹ bà H cho ở nhờ. Mẹ bà H cùng với các em ông Phụng là ông Thâm, ông Giáo, ông Thại và các con cháu trong gia đình ông Phụng đã giao nhà cửa và thổ đất cho vợ chồng ông T ở nhờ, việc giao nhà đất chỉ giao bằng miệng chứ không có văn bản, giấy tờ gì. Vợ chồng ông T phải có trách nhiệm trông coi, cúng giỗ ông bà thay mẹ con bà H và chỉ được ở chứ không được chuyển nhượng cho người khác.

Năm 1999, ông T đã tự ý kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông T mà không được sự đồng ý của gia đình bà H. Tháng 02/2016, bà H và NLQ1 có về giỗ tổ thì phát hiện ông T đã chuyển nhượng $\frac{3}{4}$ thổ đất cho người khác, còn lại $\frac{1}{4}$ thổ đất đang định chuyển nhượng hết cho người khác. Khi phát hiện thì chị em bà H đã làm đơn đề nghị UBND xã Hải Hà đình chỉ lại không cho chuyển nhượng nữa. Đến nay, bà H không có yêu cầu giám định Zen để xác định bà là con gái của ông Lâm Văn Phụng. Lý do hiện nay bà H mang họ Trần là do lấy họ của mẹ bà H. Bà H đã nhiều lần nói chuyện tình cảm với ông T về việc không được bán đất mà để cho bà H về xây từ đường làm nơi thờ cúng tổ tiên, cha mẹ bà H nhưng ông T không nhất trí nên bà H đã khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cấp cho hộ ông T, NLQ3, NLQ6 và buộc ông Lê Hồng T phải trả lại diện tích 1150 m² đất của ông Phụng để lại.

Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Hồng T trình bày thống nhất với lời khai của bà Trần Thị H về nguồn gốc thổ đất tranh chấp là của cụ Lâm Văn Long là ông ngoại của ông T. Năm 1945 cụ Long chết, để lại vườn đất hoang nên các bác, các dì đã động viên ông T đến ở đất của cụ Long nhưng ông T không đến vì ông T đã có nhà đất. Đến khoảng năm 1960, gia đình đã tìm ông Phụng là con trai cụ Long về ở, khi ông Phụng về có dẫn theo mẹ con bà H về cùng, ông Phụng đã có vợ cả ở quê bà Vũ Thị Luồng, không rõ năm sinh, bà Luồng chết năm 1969, vợ cả ông Phụng không cho mẹ con bà H về theo ông Phụng và đuổi đi. Ông Phụng chết vào năm 1964, vườn đất của cụ Long lại bị bỏ hoang, không ai quản lý, các bác, các dì lại động viên ông T đến ở, ông T nghĩ về gia đình nên đã nhất trí đến ở thổ đất của cụ Long. Khi ông T đến ở có đủ các bác, các chú, các dì có lập biên bản giao cho ông T được quản lý, sử dụng thổ đất và có trách nhiệm thờ cúng, do thời gian đã lâu nên ông T không lưu giữ được biên bản này. Khi ông T đến ở có chuyển đất phần trăm của gia đình ông T về sát phía sau thổ đất của cụ Long và ông T còn mua thêm đất của một số hộ liền kề. Từ năm 1968 đến năm 1978, ông T đã vượt 1,4 sào ruộng phần trăm, 2 miếng đất mua của ông Sỹ, mua 20 m² đất của bà Tâm và 0,2 sào đất của ông Thận phía Nam thành đất vườn. Tổng diện tích đất của cụ Long và của ông T đã vượt lập là 1.150 m² đã được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1983 của UBND xã Hải Hà, trước sau đều mang tên ông T chứ không có chỗ nào thể hiện tên ông Phụng. Tháng 9 năm 1983, ông T đã tách thổ đất cho con trai là NLQ3 1,5 sào. Ông T tiếp tục ở trên diện tích đất còn lại và làm các nghĩa vụ đối với nhà nước.

Đến năm 2010, ông T già yếu phải đến ở với con trai (NLQ3), trước khi đi, ông T có mời anh em, cha chú đến thông báo: nếu con cháu ai có nhu cầu đến ở, ông T sẽ bàn giao lại và trả công vượt lập bảo quản cho ông T, hội nghị này bà H cũng có mặt. Ông T hỏi bà H có về ở không, bà H nói đã có nhà ở Hà Nội, NLQ1 cũng không về ở đất này. Ông T nói nếu không ai về ở buộc ông T phải chuyển nhượng cho người ngoài. Bà H nói “nếu bán được thì cho NLQ1 tý chút vì NLQ1 còn túng thiếu”. Ông T chờ bốn năm không thấy ai ý kiến gì, vườn đất lại bỏ hoang, đến tháng 7/2015, ông T đã phải chuyển nhượng cho NLQ6 cả nhà và 1,5 sào đất với giá 165.000.000đ. Ông T chi phí nộp thuế, nộp lệ phí hồ sơ, cúng vào chi họ Lâm, biếu bà dì và chi phí khác hết 12.000.000đ, trả tiền xây dựng kiến thiết nhà ở và các công trình phụ hết 100.000.000đ, số tiền còn lại ông T đã chi tiêu hết. Năm 2016, NLQ1 về quê, ông T đưa cho NLQ1 3.000.000đ nhưng bà H không cho NLQ1 nhận. Mặt khác, ông T cho rằng về lý lịch tư pháp không có chỗ nào ghi tên bố bà H là “Lâm Văn Phụng”, bà H đã đi biệt tích từ năm 1962, gần 50 năm không có liên lạc, không có quan hệ gì với anh em, hàng xóm không thực hiện một nghĩa vụ gì với các cụ, với ông Phụng, với gia đình và làng xóm nên đến nay bà H không có quyền đòi lại đất. Nay bà

H làm đơn khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của cụ Long, ông Phụng chết để lại, ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 có lời khai thống nhất với lời khai của bà H. NLQ1 nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của bà H và không nhất trí với trình bày của ông T.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 trình bày: Theo bản đồ địa chính năm 1983, ông T có diện tích đất là 1.150 m². Tháng 9/1983, ông T đã viết giấy đề nghị với UBND xã Hải Hà tách cho NLQ3 1,5 sào (540 m²) có phê duyệt của chủ tịch xã. Cán bộ địa chính xã đã xuống cắm mốc giới cho NLQ3, vì không có lối đi nên NLQ3 có xin thêm diện tích đất phía Bắc và xin đất làm lối đi, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 935 m² tên hộ NLQ3. Giữa NLQ3 và NLQ8 có viết giấy biên nhận tạm nhận tiền để chuyển nhượng đất có ghi số liệu chiều dài, chiều rộng chứ chưa có đo đạc và chưa làm thủ tục giao nhận cụ thể. Bà H vô cớ đo và báo cáo với Tòa án diện tích đất NLQ3 bán cho NLQ8 230 m² là không có cơ sở.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ6 trình bày: Tháng 6 năm 2015, NLQ6 có nhận chuyển nhượng của ông Lê Hồng T suất đất để ở với giá 165.000.000đ, trên đất có 1 nhà 3 gian và 1 nhà tắm. Trước khi đến ở, NLQ6 và ông T đã cùng với ban địa chính xã đã đến chỉ mốc giới để nhận tiền và giao đất. Hai bên đã làm giấy tờ có sự xác nhận của các cấp có thẩm quyền. Sau khi được quyền sử dụng đất, vợ chồng NLQ6 đã dọn đến ở và trồng cây, xây bờ rào và làm cổng từ đó đến nay. Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ7 là vợ NLQ6 trình bày: Ngày 25/8/2015, NLQ7 kết hôn với NLQ6, khi cưới về, nhà đất NLQ6 đã mua từ trước của ông Lê Hồng T nên NLQ7 không biết. Nay bà H yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ6, vợ chồng NLQ6, NLQ7 không nhất trí.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng NLQ8 và NLQ9 trình bày: Vợ chồng NLQ8, NLQ9 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của NLQ3 có chiều rộng 8m, chiều dài 28m. Ngày 07/11/2015, vợ chồng NLQ8, NLQ9 đã giao cho NLQ3 số tiền 100.000.000đ, còn lại 35.000.000đ khi nào NLQ3 làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ giao tiếp số tiền còn lại. Đến nay NLQ3 chưa làm thủ tục sang tên cho vợ chồng NLQ8, NLQ9. Vợ chồng NLQ8, NLQ9 đã xây nhà 2 tầng trên đất và ở từ năm 2015 đến nay. Nay bà H khởi kiện đòi đất với gia đình NLQ3, vợ chồng NLQ8, NLQ9 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định vì trước khi nhận chuyển nhượng đất của NLQ3, vợ chồng anh, chị không biết đất có tranh chấp.

Tại công văn phúc đáp số 439/ UBND-VP ngày 02/12/2016 của NLQ10 trình bày: NLQ10 đã chỉ đạo Phòng tài nguyên và môi trường huyện phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tổ chức rà soát hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tình trạng biến động của thửa đất diện tích

1.150 m² tại tờ số 3, thửa số 40, bản đồ 299 mang tên hộ ông Lê Hồng T. Sau khi xem xét hồ sơ biến động liên quan đến thửa đất trên, UBND huyện có ý kiến như sau: Về hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất, tách thửa, hợp thửa từ diện tích đất ban đầu (diện tích 1.150 m² tại tờ số 3, thửa số 40, bản đồ 299) cho các hộ: Ông Lê Hồng T, NLQ3, ông Chu Văn Thông đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định và có hồ sơ trích lục đính kèm.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 26, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 180, khoản 1 Điều 182, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; đề án 68 năm 1992 của NLQ10, điểm b tiểu mục 2.4. mục 2 phần I; điểm a tiểu mục 2.4. mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H (tên gọi khác Lâm Thị H) yêu cầu đòi lại quyền sử dụng diện tích 1.150 m² đất có nguồn gốc của cụ Lâm Văn Long và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Hồng T, NLQ3 và NLQ6.

2. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2018, bà Trần Thị H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 53/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Với lý do cho rằng:

Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử vụ án là không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc đòi lại quyền sử dụng 1.150m² đất có nguồn gốc của cụ Lâm Văn Long và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Hồng T, hộ NLQ3 và hộ NLQ6

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của bà H là anh Phạm Văn L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị H được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị H Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án, cho thấy về nguồn gốc thổ đất tranh chấp là của cụ Lâm Văn Long là ông nội của bà H, đồng thời là ông ngoại của ông T. Năm 1945 cụ Long chết, sau khi cụ Long chết đi thì vườn đất của cụ bỏ hoang. Đến khoảng năm 1960, gia đình đã tìm ông Phụng là con trai cụ Long về ở trên thửa đất này cho đến khoảng năm 1964 thì ông Phụng chết. Sau khi ông Phụng chết đi thì thửa đất lại bị bỏ hoang, đến năm 1968 được sự nhất trí của gia đình ông T đã quản lý, sử dụng thửa đất này. Trong quá trình sử dụng đất, ông T đã vượt 1,4 sào ruộng phần trăm, 2 miếng đất mua của ông Sỹ, mua 20m² đất của bà Tâm và 0,2 sào đất của ông Thận phía Nam thành đất vườn, bản thân ông T cũng là người đứng ra kê khai, cũng như việc thực hiện nghĩa vụ của người sử đất đối với Nhà nước. Đặc biệt khi thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, thì ông T là người thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất nói trên. Do đó theo bản đồ địa chính lập năm 1983 của UBND xã Hải Hà, huyện Hải Hậu cũng như sổ địa chính của xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, thì diện tích đất nói trên có số thửa 40 thuộc tờ bản đồ số 3 với diện tích là 1.150m² mang tên chủ sử dụng là ông Lê Hồng T. Năm 1983 ông T đã làm thủ tục tách thửa cho NLQ3 (Là con trai) 605m². Đối với diện tích đất còn lại sau khi tách thửa là 790m² ông T đã được NLQ10 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999.

Mặt khác, khi thực hiện đề án 68 năm 1992 của NLQ10, hộ ông Lê Hồng T đã được nhà nước cân đối diện tích giữa các loại đất trong thửa đất nói trên, với đất phần trăm và đất cấy lúa ngoài đồng. Qua xác minh tại địa phương xã Hải Hà, huyện Hải Hậu thì thời điểm thực hiện đề án 68 hộ ông T do thừa đất trong thổ nên phải quy đổi trừ đi diện tích đất cấy lúa ngoài đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án cho thấy, từ sau khi cụ Long chết (Năm 1945) cho đến hiện nay không có tài liệu chứng cứ nào xác nhận quyền sử dụng đất của cụ Long cũng như ông Phụng (Là con trai của cụ Long) đối với diện tích đất tranh chấp nói trên. Lời khai của bà H cho rằng ông T chỉ là người được bố mẹ bà cho ở nhờ trên thửa đất nói trên là không có căn cứ để chấp nhận. Việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất, thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hồng T, hộ NLQ3 và hộ NLQ6 là hoàn toàn phù hợp với các quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013.

Việc Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc đòi lại quyền sử dụng 1.150m² đất có nguồn gốc của cụ Lâm Văn Long và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Hồng T, hộ NLQ3 và hộ NLQ6, là có căn cứ và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[6] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị H. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên bà Trần Thị H phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 26, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 180, khoản 1 Điều 182, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; đề án 68 năm 1992 của NLQ10, điểm b tiểu mục 2.4. mục 2 phần I; điểm a tiểu mục 2.4. mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H (tên gọi khác Lâm Thị H) yêu cầu đòi lại quyền sử dụng diện tích 1.150 m² đất có nguồn gốc của cụ Lâm Văn Long và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Hồng T, NLQ3 và NLQ6.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), tại biên lai số 08767 ngày 01/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Buộc bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000191 ngày 25/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND huyện Hải Hậu;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- C.C THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam